

Bản án số: 32/2017/HSST

Ngày: 25-12- 2017

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ TỈNH HƯNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Đoàn Mạnh Quang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Toan

2. Ông Phạm Đình Phú

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Mạnh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 30/2017/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

**Bùi Đình T** sinh năm 1974 tại xã T D, huyện T L, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn Đ L, xã T D, huyện T L, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Bùi Đình P và bà Nguyễn Thị K; có vợ là Hoàng Thị L và 03 con, lớn nhất sinh năm 1996 nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án 01: Bản án số 05/2017/HSST ngày 27-3-2017 của Tòa án nhân dân huyện T L tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 09 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ đi 30 ngày tạm giữ, tạm giam qui đổi bằng 90 ngày cải tạo không giam giữ) còn phải chấp hành 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”; tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-7-2017 đến ngày 08-9-2017 bỏ trốn; bị bắt theo lệnh truy nã từ ngày 16-10-2017 tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T L “có mặt”.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1972 “có mặt”

- Anh Phạm Ngọc S, sinh năm 1985 “vắng mặt”

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 “có mặt”

- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1993 “có mặt”

Đều trú tại: Thôn Đ L, xã T D, huyện T L, tỉnh Hưng Yên

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 18-7-2017 tại đường cánh đồng thôn Đ L xã T D, tổ tuần tra Công an huyện T L kết hợp Công an xã T D phát hiện bắt quả tang Lương Văn D và Phạm Văn V có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ tại túi quần bên phải V đang mặc 02 túi nilon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu T1; tại túi quần bên phải D đang mặc 02 túi nilon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu T2. D và V khai nhận chất tinh thể màu trắng bị thu giữ là ma túy tổng hợp vừa mua của Bùi Đình T với mục đích để sử dụng.

Trên cơ sở lời khai của D và V, Công an huyện T L ra lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Bùi Đình T ở thôn Đ L xã T D phát hiện thu giữ 05 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng và 02 túi nilon bên trong có bám dính chất màu trắng, 01 túi nilon không có chất gì được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1; 01 ví da bên trong có 1.000.000đ gồm 02 tờ tiền mệnh giá 500.000VNĐ; 01 điện thoại nhãn hiệu iPhone 4 màu đen đã qua sử dụng và 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Bùi Đình T.

Tại bản kết luận giám định số 3649/C54(TT2) ngày 31-7-2017 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng trong 02 túi nilon của phong bì niêm phong ký hiệu T1 thu giữ của Phạm Văn V gửi giám định là ma túy, có tổng trọng lượng 0,167g loại Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 3647/C54(TT2) ngày 09-8-2017 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng trong 02 túi nilon của phong bì niêm phong ký hiệu T2 thu giữ của Lương Văn D gửi giám định là ma túy, có tổng trọng lượng 0,127g loại Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 3648/C54(TT2) ngày 03-8-2017 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng trong 05 túi nilon của phong bì niêm phong ký hiệu M1 thu giữ của Bùi Đình T gửi giám định là ma túy, có tổng trọng lượng 1,154g loại Methamphetamine. Không tìm thấy chất ma túy trong 03 túi nilon còn lại thuộc phong bì ký hiệu M1.

Quá trình điều tra đã làm rõ: D và V là đối tượng nghiện chất ma túy, khoảng 15 giờ ngày 18-7-2017 đến nhà Bùi Đình T mua ma túy về sử dụng. D mua của T 02 túi nilon bên trong chứa chất ma túy với giá 500.000đ; V cũng mua 02 túi nilon bên trong chứa chất ma túy với giá 500.000đ. Sau khi mua được ma túy, cả hai đi về đến đường cánh đồng thôn Đ L xã T D thì bị phát hiện bắt quả tang.

Về nguồn gốc số ma túy D, V mua của Bùi Đình T và số ma túy thu giữ tại nhà, T khai nhận ngày 16-7-2017 đến thị trấn T C huyện P C mua của một thanh niên không biết tên tuổi địa chỉ 09 túi nilon ma túy đá với giá tiền 1.800.000đ, sau đó về nhà san ra các gói nhỏ bán lại cho những người nghiện ma túy kiếm lời để có tiền chi tiêu và trả nợ. Đối với số tiền 1.000.000đ trong ví da bị thu giữ là tiền bán ma túy cho

D, V ngày 18-7-2017. Đối với 02 túi nilon bên trong có bám dính chất màu trắng và 01 túi nilon không có gì do T mua để san số ma túy đá vào đó để bán kiếm lời.

Đối với Phạm Văn V và Lương Văn D có hành vi tàng trữ trái phép 0,167 và 0,127 gam Methamphetamine mua của T, chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, Công an huyện T L đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người 1.000.000đ.

Quá trình bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T L, đêm ngày 07/9/2017 rạng sáng ngày 08/9/2017, Bùi Đình T đã lợi dụng sơ hở bẻ 01 mảnh kim loại dùng để che ô quan sát buồng giam có kích thước 13x16cm trên cánh cửa bên ngoài buồng giam, khoét cạo vữa theo mạch xây tường ngăn buồng giam với buồng hỏi cung, lấy 10 viên gạch ra tạo lỗ hồng kích thước 24x47cm rồi chui sang buồng hỏi cung, bê 01 chiếc ghế gỗ trong buồng hỏi cung ra phía sau dãy nhà tạm giữ để sát tường bao. T đứng lên ghế, trèo qua tường bao trốn khỏi Nhà tạm giữ rồi đi về nhà gặp vợ là Hoàng Thị L lấy 250.000 đồng đi trốn và gọi điện thoại cho Phạm Ngọc S lái xe ô tô BKS 89A-053.64 chở T đến ngã ba Q C - Hải Dương thì xuống xe. T tiếp tục đi xe khách ra huyện Đ H, tỉnh Quảng Ninh vào nhà Phạm Văn H, sinh năm 1986 ở thôn B N, xã T B, huyện Đ H ở và đi đánh cá cùng với H. Quá trình đi trốn, T sử dụng điện thoại để liên lạc với Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn H đều có địa chỉ tại thôn Đ L, xã T D và vợ là Hoàng Thị L.

Ngày 08/9/2017, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T L phối hợp Viện kiểm sát nhân dân huyện T L tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ trốn khỏi nơi giam, thu giữ quần L vật chứng gồm 01 mảnh kim loại kích thước 13x16cm một đầu cong vênh, 10 viên gạch đỏ đặc đều có kích thước 20x10x5cm, các mảnh vữa cục vữa chất, 01 khăn mặt màu cam kích thước 25x50cm, 01 quần soóc, 01 ghế gỗ loại 4 chân có kích thước 0,37x0,42m, cao 0,98m, mặt ghế cao cách nền 0,42m và 01 đoạn dây dứa được nối nhiều mối dây dài 3,4m.

Ngày 22/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T L ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và Quyết định truy nã đối với Bùi Đình T về tội trốn khỏi nơi giam. Đến ngày 16/10/2017, Công an huyện T L đã bắt được Bùi Đình T tại xã T B, huyện Đ H, tỉnh Quảng Ninh. Bản thân T khai nhận trong thời gian trốn truy nã không vi phạm pháp luật.

Đối với cán bộ đội cảnh sát hỗ trợ tư pháp không thực hiện trực gác, bảo vệ Nhà tạm giữ đêm ngày 07/9/2017 rạng sáng ngày 08/9/2017, Công an huyện T L đã thành lập tổ thanh tra xem xét, kết luận trách nhiệm của các cán bộ có liên quan, xác định không có dấu hiệu đồng phạm với Bùi Đình T về tội trốn khỏi nơi giam và ra quyết định kỷ luật cán bộ vi phạm theo qui định.

Tại cơ quan điều tra, Bùi Đình T đã thành khẩn khai nhận về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và trốn khỏi nơi giam như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 29/QĐ-VKS-HS ngày 14-11-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T L truy tố bị cáo Bùi Đình T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 và tội “Trốn khỏi nơi giam” theo khoản 1 Điều 311 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Bùi Đình T đã thừa nhận ngày 16-7-2017 đến thị trấn T C huyện P C mua của một thanh niên không biết tên tuổi địa chỉ 09 túi nilon ma túy đá với giá tiền 1.800.000đ, sau đó về nhà san ra các gói nhỏ bán lại cho Lương Văn D và Phạm Văn V mỗi người 02 túi nilon ma túy đá thu được số tiền 1.000.000đ vào ngày 18-7-2017 thì bị phát hiện bắt giữ. Quá trình bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T L, đêm ngày 07/9/2017 rạng sáng ngày 08/9/2017, lợi dụng sơ hở của cán bộ canh gác đã bẻ 01 mảnh kim loại dùng để che ô quan sát buồng giam, khoét cạo vữa theo mạch xây tường lấy 10 viên gạch ra tạo lỗ hổng rồi chui ra ngoài trốn thoát. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với biên bản vụ việc lập hồi 15 giờ 15 phút ngày 18/7/2017, biên bản khám xét lập hồi 17 giờ ngày 18/7/2017, lời khai của các người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bản kết luận giám định và vật chứng đã thu giữ. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội mua bán trái phép chất ma túy và trốn khỏi nơi giam. Do đó, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự và tội “Trốn khỏi nơi giam” theo khoản 1 Điều 311 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, theo qui định tại khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội “Trốn khỏi nơi giam” có khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm, nhẹ hơn so với khung hình phạt tại khoản 1 Điều 311 Bộ luật Hình sự hiện hành. Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội, cần áp dụng các qui định có lợi của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho Bùi Đình T khi quyết định hình phạt về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bố đẽ là người có công với cách mạng nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; áp dụng khoản 1 Điều 311, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Áp dụng Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự về tổng hợp hình phạt; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo Bùi Đình T từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Tổng hợp với phần hình phạt của bản án số 05/2017/HSST ngày 27-3-2017 bị cáo chưa chấp hành là 01 năm 03 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ được qui đổi bằng 05 tháng 08 ngày tù, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 10 năm 05 tháng 08 ngày tù đến 11 năm 05 tháng 08 ngày tù, được trừ đi 53 ngày đã bị tạm giữ, tạm giam, thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày tạm giam 16-10-2017. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử L vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám

định, tịch thu tiêu huỷ các vật chứng không còn giá trị sử dụng; tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 1.000.000đ bị cáo bán ma túy mà có; trả lại cho bị cáo 01 chiếc ví da màu nâu, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Bùi Đình T.

Đối với các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị L, Phạm Ngọc S, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn H có dấu hiệu phạm tội che dấu tội phạm, nhưng do hành vi của Bùi Đình T phạm tội theo khoản 1 Điều 311 Bộ luật Hình sự nên hành vi không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Công an huyện T L đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức theo Nghị định 167/NĐ-CP của Chính phủ là phù hợp.

Đối với anh Phạm Văn H và người thân không biết T phạm tội trốn khỏi nơi giam bị truy nã nên cơ quan điều tra không xem xét xử L.

Đối với Lương Văn D, Phạm Văn V có hành vi mua bán ma túy tổng hợp của Bùi Đình T nhưng số lượng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện T L đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền là đúng qui định.

Đối với cán bộ công an trực gác, bảo vệ nhà tạm giữ đêm ngày 07-9 rạng sáng ngày 08-9-2017 thiếu trách nhiệm để bị cáo trốn thoát, Công an huyện T L đã thành lập tổ thanh tra, kết luận trách nhiệm và xử L kỷ luật theo qui định.

Bị cáo Bùi Đình T tự bào chữa: Nhất trí với cáo trạng truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát huyện T L xác định bị cáo phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, trốn khỏi nơi giam. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng chỉ phạm tội mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 vì cùng một lúc bán cho D và V mỗi người 02 gói ma túy tổng hợp, không phạm tội theo điểm b khoản 2 Điều 194. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét đã thành khẩn khai báo để giảm nhẹ một phần hình phạt.

Lời nói sau cùng của bị cáo: thừa nhận hành vi phạm tội, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[ 2 ] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Bùi Đình T đã khai nhận ngày 16-7-2017 đến thị trấn T C huyện P C mua của một thanh niên không biết tên tuổi địa chỉ 09 túi nilon ma túy đá với giá tiền 1.800.000đ, sau đó về nhà san ra các gói nhỏ bán lại cho Lương Văn D và Phạm Văn V mỗi người 02 túi nilon ma túy đá thu được số tiền 1.000.000đ vào ngày 18-7-2017 thì bị phát hiện bắt giữ. Quá trình bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T L, đêm ngày 07/9/2017 rạng sáng ngày 08/9/2017, lợi dụng sơ hở của cán bộ canh gác đã bẻ 01 mảnh kim loại dùng để che ô quan sát buồng giam, khoét cạo vữa theo mạch xây tường lấy 10 viên gạch ra tạo lỗ hồng rồi chui ra ngoài trốn thoát. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với biên bản vụ việc lập hồi 15 giờ 15 phút ngày 18/7/2017 đối với Lương Văn D và Phạm Văn V; biên bản khám xét lập hồi 17 giờ ngày 18/7/2017 tại nơi ở của bị cáo đều phát hiện, thu giữ, niêm phong các túi nilon chứa chất màu trắng nghi là ma túy đá đã được Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận là ma túy loại Methamphetamine có tổng trọng lượng lần lượt là 0,167gam, 0,127 gam và 1,154 gam; phù hợp với lời khai của người làm chứng Lương Văn D, Phạm Văn V khai nhận mua 04 gói ma túy của Bùi Đình T với giá tiền 1.000.000đ; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường lập ngày 08-9-2017; lời khai của các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết rõ bị cáo trốn khỏi nơi giam nhưng vẫn cung cấp tiền, liên lạc điện thoại với bị cáo; phù hợp với vật chứng đã thu giữ và với chính lời khai nhận của bị cáo. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 18-7-2017 tại nơi ở của Bùi Đình T ở thôn Đ L xã T D huyện T L, Bùi Đình T đã có hành vi bán trái phép cho Phạm Văn V 02 túi nilon chất ma túy loại Methamphetamine có tổng trọng lượng 0,167 gam với giá tiền 500.000đ, bán trái phép cho Lương Văn D 02 túi nilon chất ma túy loại Methamphetamine có tổng trọng lượng 0,127 gam với giá tiền 500.000đ. Khám xét nơi ở của T thu giữ 05 túi nilon chứa chất ma túy loại Methamphetamine có tổng trọng lượng 1,154 gam, T khai nhận mua về để bán cho các đối tượng nghiện kiếm lời.

Trong quá trình bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T L, đêm ngày 07/9/2017 rạng sáng ngày 08/9/2017, lợi dụng sơ hở không có cán bộ trực gác, kiểm tra Nhà tạm giữ, Bùi Đình T đã khoét tường buồng tạm giam, trốn khỏi Nhà tạm giữ Công an huyện T L.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán phép chất ma túy” theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự với tình tiết định tội “phạm tội nhiều lần” và tội “Trốn khỏi nơi giam” theo qui định tại khoản 1 Điều 311 Bộ luật Hình sự. Bị cáo tự bào chữa tại phiên tòa cho rằng bán ma túy cùng một lúc cho cả hai đối tượng D, V, nhận số tiền 1.000.000đ từ V, không nhận tiền của D nên chỉ phạm tội theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T L truy tố bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, theo qui định tại khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội “Trốn khỏi nơi giam” có khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm, nhẹ hơn so với khung hình phạt tại khoản 1

Điều 311 Bộ luật Hình sự hiện hành. Theo qui định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 thì đây là qui định có lợi cho người phạm tội nên được HĐXX áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo về tội “Trốn khỏi nơi giam”.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cùng một lúc đã xâm phạm trực tiếp đến hai khách thể tội phạm là chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của nhà nước và hoạt động đúng đắn của cơ quan tiến hành tố tụng. Bị cáo là người khoẻ mạnh, có nhận thức, có gia đình vợ con nhưng không chịu khó lao động, tu dưỡng bản thân chăm lo cho gia đình mà lao vào con đường mua chất ma túy bán lại cho các đối tượng nghiện hút để kiếm lời. Khi đã bị tạm giam, bị cáo không tỏ thái độ ăn năn, hối cải mà lợi dụng sơ hở của cán bộ canh gác khoét tường buồng tạm giam trốn ra ngoài để trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật. Bản thân bị cáo có một tiền án về tội đánh bạc đang phải chấp hành hình phạt 01 năm 09 tháng cải tạo không giam giữ nhưng không lấy đó làm bài học tiếp tục phạm 02 tội. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” cho cả hai tội vì đã bị kết án chưa được xoá án tích lại phạm tội mới do cố ý.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ tham gia quân đội được tặng thưởng huy chương là tình tiết giảm nhẹ khác qui định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự sẽ được HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Theo qui định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự người phạm tội có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài S, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tài phiên toà cho thấy các bị cáo nghề nghiệp không ổn định, thu nhập thấp, không giữ chức vụ hoặc hành nghề liên quan đến ma túy. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Do bị cáo phạm 02 tội và có 01 tiền án phải tổng hợp hình phạt nên cần áp dụng Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt. Về tiền án: Bản án số 05/2017/HSST ngày 27-3-2017 của Tòa án nhân dân huyện T L xử phạt Bùi Đình T 01 năm 09 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 30 ngày tạm giữ tạm giam qui đổi bằng 90 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 01 năm 06 tháng cải

tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Bị cáo bắt đầu chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ từ ngày 12-5-2017 đến ngày 18-7-2017 thì bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, như vậy đã chấp hành được 02 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ. Hình phạt còn lại chưa chấp hành là 01 năm 03 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ, được qui đổi bằng 05 tháng 08 ngày tù bị cáo phải chấp hành trong trại giam. Ngoài ra, Bùi Đình T còn bị khấu trừ một phần thu nhập là 150.000đ/tháng trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Ngày 14/7/2017 T đã nộp số tiền 500.000đ theo biên lai số 005595 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T L, T mới chấp hành được 02 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ nên số tiền bị khấu trừ thu nhập tương ứng với thời gian chấp hành hình phạt là 330.000đ, số tiền còn lại 170.000đ cần phải thoái thu để trả lại cho Bùi Đình T.

Về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ: Bị cáo trình bày ngày 16-7-2017 đến thị trấn T C huyện P C mua của một thanh niên không biết tên tuổi địa chỉ 09 túi nilon ma túy đá với giá tiền 1.800.000đ rồi đem về nhà san ra các gói nhỏ bán lại kiếm lời. Công an huyện T L điều tra, xác minh không xác định được đối tượng bán ma túy cho T, nên tiếp tục xác minh đủ căn cứ sẽ xử L sau là hoàn toàn phù hợp với qui định của pháp luật.

Đối với Lương Văn D, Phạm Văn V có hành vi mua bán ma túy tổng hợp của Bùi Đình T nhưng số lượng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện T L đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền là đúng qui định.

Đối với Hoàng Thị L, Phạm Ngọc S, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn H có dấu hiệu phạm tội che dấu tội phạm, nhưng do hành vi của Bùi Đình T phạm tội theo khoản 1 Điều 311 Bộ luật Hình sự nên hành vi không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Công an huyện T L đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cản trở hoạt động của cơ quan, tổ chức theo Nghị định 167/NĐ-CP của Chính phủ là phù hợp.

Đối với cán bộ công an trực gác, bảo vệ nhà tạm giữ đêm ngày 07-9 rạng sáng ngày 08-9-2017 thiếu trách nhiệm để bị cáo trốn thoát, Công an huyện T L đã thành lập tổ thanh tra, kết luận trách nhiệm và xử lý kỷ luật theo qui định nên HĐXX không xem xét xử lý.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng liên quan gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4 màu đen đã qua sử dụng, 01 ví da màu nâu và 01 chứng minh thư nhân dân của Bùi Đình T nhưng không liên quan đến việc mua bán ma túy nên cần trả lại cho bị cáo. Đối với số tiền 1.000.000đ là tiền do phạm tội mà có cần tịch thu sung công quỹ nhà nước. Đối với 03 phong bì niêm phong hoàn trả mẫu vật sau giám định bên trong chứa ma túy tổng hợp là vật cấm lưu hành cần tịch thu cho tiêu hủy. Đối với 04 thùng các tông niêm phong bên trong chứa mảnh kim loại, 10 viên gạch đỏ, các mảnh vỡ, cục chất vỡ, khăn mặt, quần sóc; 01 ghế gỗ, 01 đoạn dây dứa được nối nhiều mối dài 3,4m là công cụ bị cáo dùng để trốn khỏi nơi giam và không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.



Về án phí: Bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T L tại phiên toà về tội danh, áp dụng điều luật, mức hình phạt và các vấn đề khác cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ và hợp pháp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Lời tự bào chữa của bị cáo về việc chỉ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*[4] Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Bùi Đình T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Trốn khỏi nơi giam”;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 311; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội về tội “Trốn khỏi nơi giam”;

Áp dụng Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự về tổng hợp hình phạt; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Bùi Đình T 08 năm 06 tháng tù (*tám năm sáu tháng tù*) về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, 01 năm 06 tháng tù (*một năm sáu tháng tù*) về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Tổng hợp với phần hình phạt của bản án số 05/2017/HSST ngày 27-3-2017 bị cáo chưa chấp hành là 01 năm 03 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ được qui đổi bằng 05 tháng 08 ngày tù, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 10 năm 05 tháng 08 ngày tù, được trừ đi 53 ngày tạm giữ tạm giam còn phải chấp hành tiếp 10 năm 04 tháng 15 ngày tù, thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày tạm giam 16-10-2017. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Kiến nghị Chi cục thi hành án dân sự huyện T L thoái thu số tiền 170.000đ trong số tiền 500.000đ Bùi Đình T đã nộp theo biên lai thu tiền nộp ngân sách nhà nước số 005595 ngày 14-7-2017 để thi hành việc khấu trừ một phần thu nhập (theo bản án số 05/2017/HSST ngày 27-3-2017 của Toà án huyện T L) để trả lại cho Bùi Đình T.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy 03 phong bì niêm phong số 3647, 3648, 3649/C54(TT2) của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an hoàn trả mẫu vật sau giám định bên trong chứa ma túy tổng hợp.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 1.000.000đ là thu nhập bất chính do bị cáo bán ma túy mà có.

Tịch thu cho tiêu huỷ 04 thùng các tông niêm phong bên trong chứa mảnh kim loại, 10 viên gạch đỏ, các mặt vữa, cục chất vữa, khăn mặt, quần sóc và 01 ghế gỗ, 01 đoạn dây dứa được nối nhiều mỗi dài 3,4m.

Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 4 màu đen đã qua sử dụng, 01 ví da màu nâu, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Bùi Đình T (*Tình trạng, số lượng vật chứng theo giấy nộp tiền vào tài khoản và phiếu nhập kho giữa cơ quan Công an và Kho bạc nhà nước, Chi Cục THADS huyện T L*).

Về án phí: Bị cáo Bùi Đình T phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị L, Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn H; vắng mặt anh Phạm Ngọc S. Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Phạm Ngọc S biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

***Nơi nhận:***

- Bị cáo
- VKSND huyện T L
- Chi cục THADS huyện T L
- CA huyện T L, CA Trại tạm giam
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh
- Lưu: Hồ sơ vụ án, hồ sơ THA

**Đoàn Mạnh Quang**